

# CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NGHIÊN CỨU VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG LÀNG XÃ: TRƯỜNG HỢP CỦA XÃ THẠCH CHÂU, TỈNH HÀ TĨNH

*Kato Atsufumi\**

## I. MỞ ĐẦU

Trong bài này, tôi sẽ trình bày vài nhận xét về công tác hòa giải ở cơ sở, qua khảo sát thực tế văn hóa xã hội học tại xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh 1 năm qua, từ tháng 10-2002 đến tháng 9-2003.

Hòa giải ở cơ sở là hoạt động tự nguyện, giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng, do các tổ chức của cụm dân cư (cấp xóm) thực hiện. Hiện nay Đảng và Nhà nước đang tiến hành pháp chế hóa công tác hòa giải ở cơ sở với mục đích là phát huy năng lực tự quản của cộng đồng làng xã để giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hòa giải ở cơ sở là một hoạt động đang được chú ý để tìm hiểu về quản lý xã hội ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

Nhìn từ góc độ nghiên cứu văn hóa, hòa giải ở nông thôn được thể hiện qua 2 mặt của văn hóa cộng đồng làng xã Việt Nam: Một là *văn hóa cộng đồng tình cảm* trên cơ sở “tình làng nghĩa xóm”; Hai là *văn hóa cộng đồng hành chính* được hình thành qua các sinh hoạt chính trị-xã hội của cấp cơ sở.

Qua khảo sát thực tế tại xã Thạch Châu, tôi cảm thấy công tác hòa giải ở cơ sở đã thực sự đi vào đời sống hàng ngày của người dân nông thôn Thạch Châu, và họ đã thực hiện tương đối tự nguyện công tác hòa giải, phát huy năng lực tự quản của cộng đồng.

Nhưng khi phân tích sâu về tính cộng đồng làng xã, là nền tảng của tính “tự quản” cộng đồng, thì chúng tôi nhận ra 2 mặt của tính “tự quản”: yếu tố “tự trị” của cộng đồng tình cảm và yếu tố “quản lý xã hội” của cộng đồng hành chính.

Tôi sẽ giới thiệu và phân tích một trường hợp cụ thể của việc hòa giải ở cơ sở mà tôi đã tìm hiểu được tại xã Thạch Châu.

---

\* Nhật Bản

## II. VỀ MẶT PHÁP LÝ VÀ LỊCH SỬ CHẾ ĐỘ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

### 1. Nội dung của công tác hòa giải ở cơ sở hiện hành<sup>(1)</sup>

Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18-10-1999 của Chính phủ quy định: “Hòa giải ở cơ sở là việc hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên tranh chấp đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ nhằm giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư” (Khoản 1, Điều 2).

Tổ chức và phương pháp tiến hành công tác hòa giải ở cơ sở có các đặc điểm như sau: *Thứ nhất*, công tác hòa giải được thực hiện thông qua hoạt động của tổ hòa giải hoặc các tổ chức thích hợp khác của nhân dân ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác (Điều 2 Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở). Trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đóng vai trò chính để tổ chức tổ hòa giải (Điều 5, Khoản 2, Điều 7 Pháp lệnh). Nhà nước không phủ nhận vai trò quan trọng của già làng, tộc trưởng, v.v... trong công tác hòa giải nhưng họ chỉ đóng vai trò phụ. *Thứ hai*, hoạt động hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện. Công tác hòa giải được tiến hành theo nguyên tắc “tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên tranh chấp phải tiến hành hòa giải” (Khoản 2, Điều 4 Pháp lệnh).

Đối tượng việc hòa giải ở cơ sở có 4 loại: *Thứ nhất* là mâu thuẫn, xích mích giữa các cá nhân với nhau như mâu thuẫn trong gia đình hay là mâu thuẫn giữa các cá nhân có quan hệ xóm giềng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày (Điểm a Khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh). *Thứ hai* là tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp phát sinh từ quan hệ về tài sản, quan hệ hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất (Điểm b Khoản 1 Điều 4 Nghị định). *Thứ ba* là tranh chấp về quyền, lợi ích phát sinh từ quan hệ hôn nhân gia đình (Điểm c Khoản 1 Điều 4 Nghị định). *Thứ tư* là những việc vi phạm pháp luật khác mà theo quy định của pháp luật chưa đến mức bị xử lý bằng biện pháp hình sự hoặc biện pháp hành chính (Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định), như ăn trộm con gà, đánh nhau gây mất trật tự công cộng.

### 2. Hệ thống văn bản pháp lý của công tác hòa giải ở cơ sở

Mấy năm gần đây, Nhà nước đưa ra các văn bản pháp lý về công tác hòa giải ở cơ sở theo xu hướng xây dựng Nhà nước pháp chế và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nhìn lại lịch sử pháp chế công tác hòa giải ở cơ sở: khi Bộ Tư pháp giải thể vào năm 1961 thì nhiệm vụ quản lý công tác hòa giải được chuyển sang Tòa án nhân dân, và năm 1964 Tòa án tối cao ra Thông tư số 02/TC ngày 26-2-1964 về xây dựng Tổ hòa giải và kiện toàn tổ Tư pháp xã, khu phố. Từ năm 1982, nhiệm vụ quản lý và hướng dẫn hoạt động hòa giải được chuyển sang Bộ Tư pháp. Sau khi Hiến pháp năm 1992 quy định về công tác hòa giải (Điều 127), Chính phủ ra Nghị định số 38/CP ngày 4-6-1993 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

của Bộ Tư pháp trong đó có công tác hòa giải. Năm 1998, ngay sau khi có Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quốc hội thông qua Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Năm 1999, Chính phủ ra Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18-10-1999 quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh.

### **3. Lịch sử biến đổi vai trò của cộng đồng làng xã trong công tác hòa giải ở cơ sở**

Các hương ước được xây dựng trên địa bàn Hà Tĩnh trước Cách mạng tháng Tám năm 1945<sup>(2)</sup> cho biết lịch sử biến đổi vai trò của cụm dân cư trong công tác hòa giải ở cơ sở.

1) Trong các bản hương ước xây dựng trước năm 1920, tức là trước khi có chính sách cải lương hương ước<sup>(3)</sup>, không thấy quy định cụ thể về phương pháp xử lý kiện tụng ở cấp cơ sở. Chỉ có những điều mà quy định cấp làng (làng: đơn vị hành chính ở dưới cấp xã) xét xử kiện tụng và bất bình của dân trước, sau đó mới được lên cấp xã. Và nhiều bản hương ước có những điều hạn chế kiện tụng lên cấp trên<sup>(4)</sup>.

2) Sau năm 1920, các quy định chi tiết về thủ tục xử lý kiện tụng và công tác hòa giải ở cơ sở được xuất hiện trong các bản hương ước. Ví dụ, Hương ước thôn Gia Bắc quy định về việc kiện tụng như sau: trước tiên 2 viên Hương hội phân xử, nếu phân xử không thỏa đáng, trình lên Cộng đồng (Hội đồng?) phân xử. Nếu vẫn thấy không hợp tình hợp lý thì làm đơn trình lên huyện. Trong "Bản cải lương hương ước mẫu"<sup>(5)</sup> cũng có điều quy định tương đương, giống nhau. Còn các bản hương ước sau năm 1920 quy định nếu kiện lên cấp trên mà cũng xử lý như cấp dưới thì hai bên kiện tụng đều bị phạt tiền. Trong "Bản cải lương hương ước mẫu" không thấy quy định này. Có lẽ là các xã thôn tự quyết định điều này.

Sau năm 1961, chế độ công tác hòa giải ở cơ sở đã có quy định giống như chế độ hiện nay: lấy đội sản xuất ở nông thôn làm cơ sở thành lập tổ hòa giải; thành viên tổ hòa giải được bầu ra từ dân bình thường trong đội (Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh 1976: 5, 10, 11).

### **III. GIỚI THIỆU VÀ PHÂN TÍCH VIỆC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TẠI XÃ THẠCH CHÂU**

Thạch Châu nằm ở phía bắc của thị xã Hà Tĩnh, cách tỉnh lỵ khoảng 10 km. Diện tích hẹp với 733 ha. Dân số 5.628 nhân khẩu (năm 2002), giảm dần từ năm 1996. Có 11 đơn vị xóm và một khu vực thị tứ. Người dân ở đây chủ yếu làm nông nghiệp. Thạch Châu là trung tâm của vùng "6 xã" cửa biển. Đặc điểm của vùng "6 xã" là đất cát, bạc màu, không có thủy lợi. Sản xuất nông nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên. Những năm gần đây do chuyển đổi cơ cấu cây trồng thành công, sản xuất cây lạc được phát triển làm tăng thêm thu nhập của hộ nông dân.

Thạch Châu nổi tiếng về truyền thống văn hóa, có nhiều dòng họ nổi tiếng khoa bảng. Trong đó có họ Phan Huy cống hiến nhiều tài năng cho lịch sử cận hiện đại của Việt Nam như Phan Huy Ích, Phan Huy Ôn, Phan Huy Chú, Giáo sư sử học Phan Huy Lê...

Thạch Châu dày truyền thống cách mạng, nhờ đó tổ chức hoạt động của Đảng bộ được mạnh. Trong thời kỳ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930-1931)

dù ở huyện Thạch Hà phong trào không mạnh nhưng ở Thạch Châu vẫn xuất hiện 3 làng đỏ (chính quyền tự trị của nông dân) trong 4 làng trên địa bàn.

Trong quá trình đổi mới, mức sống của con người Thạch Châu đã được cải thiện nhiều hơn trước. Đặc biệt, sau năm 1997 tình hình giao thông của vùng “6 xã” được cải thiện, nhờ đó kinh tế xã hội của xã thay đổi được nhiều. Đa số gia đình đã mua sắm ti vi. Số gia đình có điện thoại cũng dần tăng lên. Các công trình phúc lợi, xây dựng cơ sở hạ tầng được tiến hành liên tục như nâng cấp trường cấp I, cấp II (1996), xây dựng trường cấp III (2001), xây Nhà truyền thống thư viện xã (2002), và gần đây nhất là xây dựng trụ sở UBND xã có 2 tầng (2003).

Trong khi đó, vì không có công tác thủy lợi, không có làng nghề nên HTX dịch vụ nông nghiệp và các loại HTX kiểu mới không được phát triển. Quy mô kinh doanh sản xuất nông nghiệp thường không vượt qua khuôn khổ của kinh tế hộ gia đình.

Xóm Hồng Lạc, nơi mà tôi sống, có 142 hộ với 587 nhân khẩu (2003). Họ chủ yếu làm ruộng, còn một số người làm giáo viên và một số người làm kinh doanh dịch vụ như sửa xe máy, xe đạp ở khu vực Thị tứ, buôn bán nhỏ, máy vận tải nhỏ (xe công nông), máy xay gạo, v.v...

Sau đây tôi sẽ giới thiệu trường hợp của vụ việc “bà B” xảy ra ở xóm Hồng Lạc để tìm hiểu công tác hòa giải ở cơ sở được tiến hành cụ thể như thế nào.

#### *Vụ việc “bà B”*

Đầu năm 2003, bà B (dân xóm, gần 50 tuổi) bị anh A (thanh niên hàng xóm) đánh, phải nằm ở trạm y tế xã khoảng 1 tuần. Nguyên nhân trực tiếp là bà B cãi với cô C (mẹ anh A, giáo viên, hơn 50 tuổi) về việc bà D (chị gái của bà B cũng là dân xóm) nợ tiền của cô C chưa trả. Có thể là do cách ăn nói của bà B làm cho anh A quá bức xúc, anh A đánh bà B “thay cho mẹ”.

Ngay sau khi vụ việc này xảy ra, Khối Mặt trận xóm tổ chức cuộc họp bàn về các giải pháp hòa giải. Nhưng cuộc họp hôm đó không quyết định được đoàn thể nào phải can thiệp giải quyết vấn đề bởi vì các đương sự sinh sống ở các tổ chức khác nhau. Anh A đã có công việc ở thị xã Hà Tĩnh không tham gia sinh hoạt ở xóm nữa. Bà B là nông dân bình thường. Còn cô C là giáo viên, ít tham gia được sinh hoạt ở xóm. Trong ngoài cuộc họp nhiều người nói rằng dòng họ phải chủ động can thiệp giải quyết vấn đề bởi vì tất cả các đương sự đều là thành viên của họ L<sup>(6)</sup>. Nhưng, lần này, dòng họ L không chủ động giải quyết vấn đề. Bà B định đưa ra vấn đề lên xã và đã chuẩn bị gửi văn bản đến trường của cô C.

Nhưng cuối cùng Khối Mặt trận xóm đã tổ chức hòa giải vấn đề. Ban hòa giải mời các đương sự đến Câu lạc bộ xóm và xem xét tờ trình của hai bên, sau đó có nhiều ý kiến góp ý và phân tích, cuối cùng trưởng ban hòa giải tổng hợp các ý kiến đưa ra giải pháp như sau:

1- Anh A đánh bà B được xem như là con đánh mẹ. Anh A phải gửi “tiền máu” (tiền bồi thường) 100.000 đồng cho bà B.

2- Hai bên đều phải xin lỗi tập thể vì mất an ninh trật tự trong xóm. (Trường hợp này “xin lỗi tập thể” có nghĩa là chỉ xin lỗi trước Khối Mặt trận xóm mà không đưa ra vụ việc này họp toàn dân xóm).



3- Xóm không thu tiền phạt, chỉ thu lệ phí mỗi bên 30.000 đồng theo quy định của xóm.

Phân tích:

Việc hòa giải vụ việc “bà B” có mấy điểm đáng chú ý như sau:

1) Ban hòa giải đưa ra giải pháp dựa vào quan hệ “anh em” của hai bên. Khi xem xét lý tình của hai bên, Ban hòa giải coi trọng quan hệ “bức trên bức dưới” giữa anh A và bà B trong quan hệ họ hàng để hai bên dễ chấp nhận giải pháp của Ban.

2) Khối Mặt trận xóm đóng vai trò chính trong vụ việc hòa giải. Nhiều người trong xóm cho rằng dòng họ phải chủ động giải quyết vấn đề nhưng lần này dòng họ L không can thiệp được kịp thời.

3) Sự đoàn kết nội bộ của dân xóm được coi trọng. Cho nên Ban hòa giải bắt hai bên phải xin lỗi trước tập thể xóm vì mất an ninh trật tự trong xóm.

4) Vụ việc này được giải quyết trong nội bộ cộng đồng xóm. Không có yếu tố bên ngoài nào tham gia công tác hòa giải này. Bà B định đưa vấn đề lên cấp xã và chuẩn bị văn bản gửi cho trường của cô C, nhưng cuối cùng bà B cũng chấp nhận hòa giải cấp xóm.

Trường hợp hòa giải vụ việc “bà B” cho thấy:

a) Dù giải pháp hòa giải dựa vào quan hệ “anh em” nhưng tổ chức mà tiến hành việc hòa giải là Khối Mặt trận xóm - tổ chức chính trị xã hội cấp cơ sở - chứ không phải là dòng tộc.

b) Công tác hòa giải được tiến hành hoàn toàn trong nội bộ cộng đồng làng xã.

Sau đây, tôi sẽ phân tích tính cộng đồng xóm tác dụng đến công tác hòa giải như thế nào.

#### **IV. TÍNH CỘNG ĐỒNG LÀNG XÃ**

##### **1. Tính cộng đồng tình cảm**

Tính cộng đồng của xóm có 2 mặt: Thứ nhất là tính cộng đồng tình cảm. Tình cảm làng xóm và tình cảm anh em họ hàng là yếu tố cơ bản nhất của tính cộng đồng làng xã. Người ta hay kể rằng, ở nông thôn sau khi ăn cơm xong những người hàng xóm tập trung ở nhà nào đó uống nước chè xanh nói chuyện, đó là sự biểu hiện tiêu biểu nhất của tình làng nghĩa xóm nói riêng và tính cộng đồng làng xã nói chung. Còn xóm là cụm dân cư của các hộ gia đình cùng dòng họ. Ở xóm Hồng Lạc, có một dòng họ lớn (hơn 100 hộ) và dăm họ vừa và nhỏ chung sống với nhau.

Khi Ban hòa giải xóm giải quyết vụ việc “bà B”, Ban đưa ra giải pháp dựa vào quan hệ tình cảm anh em họ hàng của hai bên.

Nhưng, trong trường hợp của vụ việc “bà B”, tổ chức dòng họ không chủ động giải quyết vấn đề. Chỉ có một thanh niên của Hội đồng dòng tộc L tham gia Ban hòa giải với tư cách là thành viên của Ban chấp hành Hội người cao tuổi

xóm. Điều này chứng tỏ rằng tác dụng của “tình cảm” đối với công tác hòa giải có hạn chế. Lý do mà Hội đồng dòng tộc không kịp thời tham gia việc hòa giải có lẽ là vì Hội đồng không có trách nhiệm trước Nhà nước về quản lý các thành viên trong dòng họ.

## 2. Tính cộng đồng hành chính

Thứ hai là tính cộng đồng hành chính. Các sinh hoạt chính trị xã hội của cấp xóm, như cuộc họp của các đoàn thể cấp xóm, lao động tập thể làm giao thông, thủy lợi trong xóm, kết hợp với tình làng nghĩa xóm, tình cảm anh em họ hàng cùng tạo ra tính cộng đồng của đơn vị xóm.

Trước tiên, tôi xin giới thiệu lịch sử hình thành đơn vị “xóm” có tính chất đơn vị chính trị xã hội ở cơ sở. Ít nhất từ đầu thế kỷ XVIII trên địa bàn Thạch Châu đơn vị “xã” đã mất đi tính chất đơn vị hành chính mà chỉ còn là đơn vị liên kết Hội tư vấn. Trước Cách mạng tháng Tám, trên địa bàn Thạch Châu bây giờ có 4 làng là đơn vị hành chính độc lập, có lý trưởng, đền và đình riêng của làng.

Trong lúc đó “xóm” chỉ là tên gọi của cụm dân cư mà thôi. Theo gia phả của họ Phan Huy thì từ trước thế kỷ XVIII nơi xóm Hồng Lạc bây giờ được gọi là nơi “Cây Thụ” (cây thụ là cây thị) vì có cây thị rất to. Trước sau Cách mạng tháng Tám nơi xóm Hồng Lạc bây giờ gồm 2 xóm là xóm “Cây Thụ” và xóm “Cây Các”. Và mỗi xóm là tập thể của các hộ gia đình cùng dòng họ.

Trong thời kỳ thuộc Pháp, đơn vị xóm (ấp) được giao ruộng đất và chịu trách nhiệm nộp thóc nhập vào Kho nghĩa thương của làng. Và theo thông tin điền dã thì “ấp” lúc đó có 1 ấp trưởng (tên khác là “thù địch”) và Tổ cánh đồng gồm 3 đến 5 tổ viên.

Qua thời kỳ hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp, xóm trở thành vừa là đơn vị sản xuất, vừa là đơn vị sinh hoạt chính trị xã hội ở cơ sở. Từ năm 1959 hai xóm “Cây Thụ” và “Cây Các” trở thành HTX Hồng Châu và HTX Lạc Châu. Trong quá trình xây dựng HTX bậc cao, các xóm trước đây được tổ chức lại trở thành đội sản xuất dưới HTX nông nghiệp. Đội sản xuất không chỉ quản lý sản xuất và thu sản phẩm mà còn quản lý toàn diện đời sống cộng đồng. Sau “khoán 10”

## CHÚ THÍCH

1. Xin tham khảo thêm Trần Đông Tùng, *Những điều cần biết về công tác hòa giải ở cơ sở*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh 1996, *Hương ước Hà Tĩnh*.
3. Bùi Xuân Đỉnh 1998, *Hương ước và quản lý làng xã*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 68-81.
4. Matsuo và Yao đã phân tích về xử lý kiện tụng ở nông thôn Bắc Bộ vào thế kỷ XVIII, XIX: Matsuo, Nobuyuki 1999. “Nhà nước, làng xã, người uy quyền trong làng: qua các tư liệu kiện tụng của Bắc Bộ Việt Nam thế kỷ XIX”, *Rekishi-hyoron*, số 585, tr. 29-45, 10; Yao Takao 1998. “Một mặt của xã hội làng xã Bắc Bộ Việt Nam thời cuối Lê: trường hợp của xã Bách Cốc cũ, tỉnh Nam Định”, *Nampobunka*, số 25, tr. 113-132.
5. Bản dịch tiếng Nhật của “Bản cải lương hương ước mẫu”: Hiruma, Yoichi (dịch) 1999. “Bản cải lương hương ước mẫu” trong Hội nghiên cứu văn hóa xã hội Việt Nam. *Xã hội văn hóa Việt Nam Q.1*. Fukuyosha, Tokyo, tr. 382-295.
6. Chồng của cô C (đã mất) là người họ L, anh ruột của chồng bà B. Chồng của bà D cũng là người họ L.